

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2024/HS-ST**

Ngày: 22- 7- 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Kỳ

Ông Nguyễn Hữu Nhạc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hà Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Dương Minh Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 và 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐ-HS ngày 18 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T (Tên gọi khác không), sinh năm 1975 tại tỉnh Bình Thuận; giới tính: nam; nơi thường trú: thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; nơi ở: thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công chức - quyền đội trưởng Đội Quản lý thị trường số B thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh B; trình độ văn hóa: 12/12; tiền án, tiền sự: không; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Trần Thị M (sinh năm 1938); có vợ Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1977); con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2007.

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Là đảng viên Đ1. Ngày 16/9/2022, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh B ban hành Quyết định số 23 - QĐ/UBKTĐUK đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Trần Văn T. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/9/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Có mặt.

2. Bùi Viết M1 (Tên gọi khác: không), sinh năm 1986 tại tỉnh Thanh Hóa; giới tính: nam; nơi cư trú: khu phố H, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công chức - cán bộ

Đội Quản lý thị trường số B thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh B; trình độ văn hóa: 12/12; tiền án, tiền sự: không; con ông Bùi Viết M2 (sinh năm 1953) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1954); vợ: Ngô Thị H1 (sinh năm 1985); Con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Là đảng viên Đ1. Ngày 16/9/2022, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh B ban hành Quyết định số 21 - QĐ/UBKTĐUK đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Bùi Viết M1. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/9/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Có mặt.

3. Ngô Minh P (Tên gọi khác: không), sinh năm 1981 tại tỉnh Bình Thuận; giới tính: nam; nơi cư trú: thôn F, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công chức - cán bộ Đội Quản lý thị trường số B thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh B; trình độ văn hóa: 12/12; tiền án, tiền sự: không; con ông Ngô Minh H2 (sinh năm 1949) và bà Nguyễn Thị H3 (sinh năm 1951); vợ Trần Thị Minh T2 (sinh năm 1985); con: có 01 người, sinh năm 2015.

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Là đảng viên Đ1. Ngày 16/9/2022, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh B ban hành Quyết định số 22 - QĐ/UBKTĐUK đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Ngô Minh P.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/9/2022, đến ngày 13/02/2023 Ngô Minh P được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh theo Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn số 18 ngày 13/02/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam và Quyết định về việc bảo lãnh số 25 ngày 13/02/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H. Có mặt.

4. Nguyễn Hoàng C1 (Tên gọi khác: không), sinh năm 1983 tại tỉnh Bình Thuận; giới tính: nam; nơi cư trú: khu phố P, thị trấn P, huyện H, tỉnh Bình Thuận; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công chức - cán bộ Đội Quản lý thị trường số B thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh B; trình độ văn hóa: 12/12; tiền án, tiền sự: không; con ông Nguyễn Bá C2 (đã chết) và bà Phan Thị L (đã chết); có vợ Bùi Anh T3 (sinh năm 1986); con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Là đảng viên Đ1. Ngày 10/4/2023, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh B ban hành Quyết định số 33 - QĐ/UBKTĐUK đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Nguyễn Hoàng C1.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/4/2023, đến ngày 07/02/2024 Nguyễn Hoàng C1 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh theo Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn số 02 và Quyết định về việc bảo lãnh số 02 cùng ngày 07/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

5. Phạm Minh T4 (Tên gọi khác: không), sinh năm 1962 tại tỉnh Hưng Yên; giới tính: nam; nơi cư trú: khu phố B, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; quốc

tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công chức - cán bộ Đội Quản lý thị trường số B thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh B; trình độ văn hóa: 12/12; tiền án, tiền sự: không; con ông Phạm Minh T5 (đã chết) và bà Đào Thị D (đã chết); có vợ: Đặng Thị H4 (sinh năm 1962); con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1996.

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Là đảng viên Đ1. Ngày 06/01/2023, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh B ban hành Quyết định số 29 - QĐ/UBKTĐUK đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Phạm Minh T4. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Có mặt.

6. Nguyễn Anh P1 (Tên gọi khác: không), sinh năm 1972 tại tỉnh Bình Thuận; giới tính: nam; nơi cư trú: khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công chức - cán bộ phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện H; trình độ văn hóa: 12/12; tiền án, tiền sự: không; con ông Nguyễn Văn N (sinh năm 1948) và bà Trương Thị T6 (sinh năm 1950); vợ Lê Thị Thanh T7 (sinh năm 1982); con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Ngày 06/01/2023 Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND về việc tạm đình chỉ công tác đối với Nguyễn Anh P1.

Là đảng viên Đ1. Ngày 10/01/2023, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy H ban hành Quyết định số 32 - QĐ/UBKTHU đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Nguyễn Anh P1. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Có mặt.

7. Phạm Phú T8 (Tên gọi khác: không), sinh năm 1976 tại tỉnh Bình Thuận; giới tính: nam; nơi cư trú: thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công chức - phó đội trưởng Đội kiểm tra thuế số 1, Chi cục Thuế khu vực H16 - H; trình độ văn hóa: 12/12; tiền án, tiền sự: không; con ông Phạm T9 (đã chết) và bà Phạm Thị H5 (sinh năm 1942); vợ: Nguyễn Thị Thanh T10 (sinh năm 1982); con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008. Ngày 06/01/2023, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B ban hành Quyết định số 12/QĐ-CTBTH về việc tạm đình chỉ công tác đối với Phạm Phú T8.

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Là đảng viên Đ1. Ngày 06/01/2023, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh B ban hành Quyết định số 30 - QĐ/UBKTĐUK đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Phạm Phú T8.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2023, đến ngày 07/02/2024 Phạm Phú T8 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh theo Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn số 01 và Quyết định về việc bảo lãnh số 01 cùng ngày 07/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

8. Phạm Anh T11 (Tên gọi khác: không), sinh năm 1984 tại tỉnh Bình Thuận; giới tính: nam; nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công chức - phó chủ tịch UBND xã T; trình độ văn hóa: 12/12; tiền án, tiền sự: không; con ông Phạm M3 (đã chết) và bà Lê Thị T12 (đã chết); vợ: Phan Thị T13 (sinh năm 1987); con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Ngày 07/02/2023 Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 46/QĐ-UBND về việc tạm đình chỉ chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã T đối với Phạm Anh T11.

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Là đảng viên Đ1. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy H ban hành Quyết định số 39 - QĐ/UBKTHU ngày 09/02/2023 đình chỉ sinh hoạt cấp ủy đảng đối với Phạm Anh T11. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

9. Lê Văn T14 (Tên gọi khác: không), sinh năm 1993 tại tỉnh Bình Thuận; giới tính: nam; nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nguyên cán bộ Công an huyện H. trình độ văn hóa: 12/12; tiền án, tiền sự: không; con ông Lê Văn X (sinh năm 1969) và bà Phan Thị Thu C3 (sinh năm 1968); vợ Nguyễn Thị H6 (sinh năm 1997); Con có một người sinh năm 2024.

Ngày 12/01/2023 Giám đốc Công an tỉnh B ban hành Quyết định số 03/QĐ-CAT về việc xuất ngũ đối với sĩ quan Công an nhân dân đối với Lê Văn T14.

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Là đảng viên Đ1. Ngày 18/4/2023, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy H ban hành Quyết định số 47- QĐ/UBKTHU khai trừ ra khỏi đảng đối với Lê Văn T14. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

10. Trần Văn Q (Tên gọi khác: không), sinh năm 1982 tại tỉnh Đồng Nai; giới tính: nam; nơi cư trú: khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi làm việc: Công ty TNHH N3, thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; tiền án, tiền sự: không; con ông Trần Văn D1 (đã chết) và bà Dương Thị N1 (sinh năm 1954); vợ: Nguyễn Mai P2 (sinh năm 1985); con: có 01 người, sinh năm 2021. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

11. Võ Văn T15 (Tên gọi khác: không), sinh năm 1969 tại tỉnh Đồng Nai; giới tính: nam; nơi cư trú: khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi làm việc: hộ kinh doanh Đ2, thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; tiền án, tiền sự: không; con ông Võ Văn H7 (đã chết) và bà Phạm Thị M4 (sinh năm 1935); vợ: Trần Thị D2 (sinh năm 1972); con: có 03 người, lớn nhất

sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2001. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

12. Đoàn Vĩnh C4 (Tên gọi khác: không), sinh năm 1983 tại thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi cư trú: số A đường N, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; nơi làm việc: cơ sở sản xuất gạch Đ2, thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 9/12; tiền án, tiền sự: không; con ông Đoàn Việt H8 (sinh năm 1958) và bà Hồ Ngọc T16 (sinh năm 1958); vợ: Châu Hồng Trúc M5 (sinh năm 1984); con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2008. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T:*

- Luật sư Lê Minh H9 - Công ty N3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. Địa chỉ: Số A, đường P, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Luật sư Trần Thị Thiên H10 - Văn phòng L1 – Đoàn Luật sư tỉnh B

** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Phú T8:*

- Luật sư Nguyễn Văn D3 - Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số D H, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Luật sư Nguyễn Thị Lệ H11 - Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: 2 X, phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Anh T11:*

- Luật sư Nguyễn Văn H12 và Luật sư Trần Hoàng P3 - Chi nhánh Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Lô A, khu dân cư H, đường T, khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh P1:*

- Luật sư Đặng Trường T17 - Văn phòng Luật sư Đặng Trường T17, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: 112/18b đường B, phường E, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

** Người làm chứng:*

1. Ông Hồ Ngọc T18, sinh năm 1978 (cán bộ địa chính xã T). Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H13, sinh năm 1973 (Công an viên thôn L). Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

3. Ông Phạm Công P4, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

4. Bà Võ Thị Thanh T19, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

5. Ông Nguyễn Minh T20, sinh năm: 1978 (Nguyên Trưởng phòng kinh tế hạ tầng huyện H). Địa chỉ: khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Có đơn xin vắng mặt.

6. Ông Văn Công T21 (Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực H17- H). Vắng mặt.

7. Ông Phạm Khắc P5 (Đội trưởng đội kiểm tra thuế số 1, Chi cục thuế khu vực H16- H). Vắng mặt.

8. Ông Lê Hồng T22 (Đội trưởng Đội Kinh tế- Ma túy - Môi trường, Công an huyện H). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Văn bản số 1621/UBND-KT ngày 27/5/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Thuận về việc xử lý tình hình khai thác khoáng sản sét gạch ngói trái phép tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; ngày 31/5/2022 UBND huyện H tổ chức cuộc họp để triển khai thực hiện văn bản trên. Tại cuộc họp ông Nguyễn Văn P6, Phó Chủ tịch UBND huyện H (chủ trì cuộc họp) chỉ đạo Đội Quản lý thị trường số B trực thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh B chủ trì phối hợp với Chi cục Thuế khu vực H16 - H, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện H, Công an huyện H, UBND xã T tiến hành kiểm tra làm rõ nguồn đất làm gạch đang tập kết, đã tiêu thụ tại các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đang hoạt động sản xuất kinh doanh gạch trên địa bàn xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Văn phòng UBND huyện H ban hành Thông báo số 134/TB-UBND ngày 31/5/2022 thông báo kết luận của ông P6; tiếp theo ngày 01/6/2022 Chủ tịch UBND huyện H có Công văn số 1133/UBND-KT đôn đốc thực hiện nghiêm nội dung chỉ đạo của ông P6 tại cuộc họp ngày 31/5/2022.

Từ ngày 01/6/2022 đến ngày 21/6/2022, Đội Quản lý thị trường số B chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra tại Công ty trách nhiệm hữu hạn N3 (Công ty N3) do Trần Văn Q (sinh năm 1982, nơi cư trú: khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) làm giám đốc; tại hộ kinh doanh Đ2 do Võ Văn T15 (sinh năm 1969, nơi cư trú: khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) làm chủ; cơ sở sản xuất gạch Đ2 (cơ sở Đ2) do Đoàn Vĩnh C4 (sinh năm 1983, nơi cư trú: số A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) làm chủ, đều có địa chỉ kinh doanh tại thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Quá trình kiểm tra, đoàn kiểm tra và các chủ cơ sở, giám đốc công ty được kiểm tra đã có

hành vi đưa hối lộ, nhận hối lộ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, tại Công ty N3: Trần Văn T (sinh năm 1975, nơi thường trú: thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; nơi ở: thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận) là Quyền đội trưởng Đội Quản lý thị trường số B thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh B đã ký ban hành Quyết định số 46020091/QĐ-KT ngày 01/6/2022, về việc “kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ” tại Công ty N3. Thành phần đoàn kiểm tra gồm có: Ngô Minh P (sinh năm 1981, nơi cư trú: thôn F, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận) là kiểm soát viên thị trường thuộc Đội Quản lý thị trường số B làm Trưởng đoàn; các thành viên gồm: Trần Văn T, Quyền đội trưởng Đội Quản lý thị trường số B; Bùi Viết M1 (sinh năm 1986, nơi cư trú: khu phố H, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận) là kiểm soát viên thị trường thuộc Đội Quản lý thị trường số B; Phạm Minh T4 (sinh năm 1962, nơi cư trú: khu phố B, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận) là kiểm soát viên trung cấp thị trường thuộc Đội Quản lý thị trường số B; Nguyễn Hoàng C1 (sinh năm 1983, nơi cư trú: khu phố P, thị trấn P, huyện H, tỉnh Bình Thuận) là kiểm soát viên trung cấp thị trường thuộc Đội Quản lý thị trường số B; Lê Văn T14 (sinh năm 1993, nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận) là cán bộ Công an huyện H; Nguyễn Anh P1 (sinh năm 1972, nơi cư trú: khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận) là chuyên viên Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện H; Phạm Phú T8 (sinh năm 1976, nơi cư trú: thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận) là đội phó Đội kiểm tra số 1 Chi cục Thuế khu vực H16 - H; Phạm Anh T11 (sinh năm 1984, nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận) là Phó chủ tịch UBND xã T; Hồ Ngọc T18 (sinh năm 1978, nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận) là công chức Địa chính - Xây dựng UBND xã T. Ngày 01/6/2022 các thành viên đoàn kiểm tra có mặt tại Công ty N3 để tiến hành hoạt động kiểm tra.

Do Trần Văn Q là giám đốc Công ty N3 không có mặt nên ông Phạm Công P4 là quản đốc Công ty chứng kiến hoạt động kiểm tra. Trần Văn T thông báo cho ông Phạm Công P4 biết Quyết định kiểm tra và giới thiệu thành viên đoàn kiểm tra, sau đó tiến hành kiểm tra. Đoàn kiểm tra đã lập biên bản kiểm tra xác định khối lượng đất sử dụng làm gạch tại bãi tập kết của Công ty N3 là 12.000m³ không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp. Ngày 06/6/2022, Trần Văn Q đến trụ sở Đội Quản lý thị trường số B đóng tại Trung tâm Văn hóa huyện H đề nghị đoàn kiểm tra đo lại khối lượng đất làm gạch vì phần cốt nền tại bãi là đất đá. Trần Văn T yêu cầu Bùi Viết M1, Ngô Minh P và các thành viên đoàn kiểm tra đi đến Công ty N3 để đo lại khối lượng đất làm gạch. Khoảng hơn 09 giờ ngày 06/6/2022 các thành viên đoàn kiểm tra có mặt tại Công ty N3 gồm: Trần Văn T, Bùi Viết M1, Ngô Minh P, Phạm Minh T4, Lê Văn T14, Nguyễn Anh P1, Phạm Phú T8, Phạm Anh T11, còn Nguyễn Hoàng C1 vắng mặt do bận thi giấy phép lái xe, Hồ Ngọc T18 không tham gia. Đoàn kiểm tra đã tiến hành đo lại khối lượng đất làm gạch tại bãi tập kết của Công ty N3. Trần Văn T thông báo kết quả đo đạc cho

các thành viên đoàn kiểm tra và Trần Văn Q biết khối lượng đất làm gạch là hơn 5.000m^3 . Đoàn kiểm tra đi vào văn phòng Công ty N3 lập biên bản làm việc. Trần Văn Q không xuất trình được hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc đất làm gạch và thừa nhận số đất làm gạch trên do Q mua trôi nổi ngoài thị trường, không có nguồn gốc hợp pháp. Trần Văn Q gặp Bùi Viết M1 nói xin đoàn kiểm tra ghi hạ thấp khối lượng đất làm gạch và hứa hẹn sẽ đưa tiền cho các thành viên đoàn kiểm tra. M1 nói cho Trần Văn T biết việc Trần Văn Q xin ghi hạ thấp khối lượng đất làm gạch và hứa hẹn sẽ đưa tiền cho các thành viên đoàn kiểm tra. Trần Văn Q tiếp tục xin các thành viên đoàn kiểm tra hạ thấp khối lượng đất làm gạch nhằm giảm mức tiền phạt và giảm khối lượng đất làm gạch bị tịch thu thì các thành viên đoàn kiểm tra đều thống nhất ghi hạ thấp khối lượng. Trần Văn T nói với các thành viên đoàn kiểm tra sẽ ghi nhận khối lượng đất làm gạch không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp là 2.250 m^3 thì các thành viên đoàn kiểm tra đều thống nhất và ký biên bản làm việc ghi nhận khối lượng đất làm gạch không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp là 2.250 m^3 . Trần Văn Q đã đưa cho Bùi Viết M1 01 phong bì bên trong có số tiền 10.000.000 đồng, Ngô Minh P 01 phong bì bên trong có số tiền 5.000.000 đồng, Phạm Minh T4 01 phong bì bên trong có số tiền 10.000.000 đồng, Lê Văn T14 01 phong bì bên trong có số tiền 10.000.000 đồng; tất cả những người này đều nhận tiền. Trần Văn Q đưa cho Trần Văn T 01 phong bì bên trong có số tiền 10.000.000 đồng nhưng T không đồng ý nhận. Bùi Viết M1 nói Trần Văn Q bỏ thêm 5.000.000 đồng vào phong bì để đưa cho T nhưng T không đồng ý nhận và hẹn làm việc sau với Q. Q đưa cho Phạm Phú T8 và Phạm Anh T11 mỗi người 01 phong bì bên trong có số tiền 10.000.000 đồng nhưng T8 và T11 không nhận và nói Q “để lo công việc đi”. Lúc này Nguyễn Anh P1 đi về trước nên Trần Văn Q chưa đưa tiền cho P1. Ngày hôm sau, Trần Văn T hẹn gặp Trần Văn Q tại 01 quán cà phê thuộc xã T, huyện H. Q đã đưa cho T 01 phong bì bên trong có số tiền 20.000.000 đồng thì T đồng ý nhận. Khi Trần Văn T, Bùi Viết M1, Ngô Minh P và Nguyễn Hoàng C1 ở trụ sở Đội Quản lý thị trường số B nói chuyện, Nguyễn Hoàng C1 nghe, biết được việc đoàn kiểm tra đã ghi nhận hạ khối lượng đất làm gạch không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp của Công ty N3 vào ngày 06/6/2023 là hơn 2.000m^3 , có sự chênh lệch so với kết quả kiểm tra vào ngày 01/6/2022 và Trần Văn Q đã đưa tiền cho các thành viên đoàn kiểm tra thì C1 nói với Trần Văn T “em cũng là thành viên đoàn sao anh không lấy tiền cho em”; T nói “để anh nói cho” thì C1 đồng ý. Sau đó, Ngô Minh P nói với C1 “để lúc đi giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì P sẽ nói Q đưa tiền cho C1”. Đến ngày 15/6/2022, Trần Văn T phân công Ngô Minh P và Nguyễn Hoàng C1 đến Công ty N3 để giao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, C1 nói với P phải làm hồ sơ cho chặt chẽ vì hồ sơ thể hiện không đúng thực tế, có sự chênh lệch lớn về khối lượng. Khi đến Công ty N3 gặp Trần Văn Q, P nói với Q là C1 cũng là thành viên đoàn kiểm tra và nói Q đưa tiền cho C1. Q lấy 01 phong bì bên trong có số tiền 10.000.000 đồng đưa cho C1. C1 nhận lấy phong bì tiền rồi cùng đi ăn trưa với Q và P. Sau đó Bùi Viết M1 đến cùng ăn trưa thì M1 nói Trần Văn Q “có gửi phong

bì cho Nguyễn Anh P1 không?”. Q lấy 01 phong bì bên trong có số tiền 10.000.000 đồng đưa cho M1 để nhờ đưa giùm cho P1. M1 giữ lấy số tiền 10.000.000 đồng nhưng không đưa cho P1.

Căn cứ hồ sơ mà đoàn kiểm tra xác định khối lượng 2.250 m³ đất làm gạch không có hóa đơn chứng từ, Đội Quản lý thị trường số B đã tham mưu Chủ tịch UBND huyện H ra quyết định xử phạt hành chính đối với Công ty N3 số tiền 90.000.000 đồng và tịch thu 2.250 m³ đất làm gạch trên.

Sau đó, Công an huyện H tiếp nhận thông tin về việc đoàn kiểm tra đã nhận tiền để hạ thấp khối lượng đất làm gạch không có hóa đơn chứng từ. Ngày 01/7/2022, Công an huyện H phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, UBND xã T tiến hành đo khối lượng đất làm gạch tại Công ty N3, xác định khối lượng đất làm gạch không có nguồn gốc hợp pháp là 5.341,5 m³ và Công ty đã sử dụng 117 m³ đất để làm 87.750 viên gạch chưa nung, tổng cộng là 5.458,5 m³. Như vậy, đoàn kiểm tra ghi hạ thấp khối lượng đất làm gạch không có nguồn gốc hợp pháp là 2.250 m³ không đúng thực tế là 5.458,5 m³, chênh lệch khối lượng 3.208,5 m³; đã gây thiệt hại đối với số tang vật là khối lượng 3.208,5 m³ đất làm gạch không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp lẽ ra phải được tịch thu sung quỹ Nhà nước khi xử lý hành chính. Tổng số tiền Trần Văn Q đã đưa hối lộ cho các thành viên đoàn kiểm tra là 75.000.000 đồng.

* Kết luận định giá tài sản số 38/2022-HĐĐG ngày 28/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: Khối lượng 5.458,5 m³ đất làm gạch tại Công ty N3 có tổng giá trị là 649.561.500 đồng; (trong đó: 2.250 m³ có giá trị 267.750.000 đồng; 117 m³ có giá trị 13.923.000 đồng; 3.091,5 m³ có giá trị 367.888.500 đồng). Khối lượng 3.208,5 m³ (3.091,5 m³ + 117 m³) đất làm gạch có giá trị là 381.811.500 đồng. (bút lục số 321)

Lần thứ hai, tại hộ kinh doanh Đ2: Ngày 15/6/2022, Trần Văn T đã ký ban hành Quyết định số 46020096/QĐ-KT về việc “kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ” tại hộ kinh doanh Đ2. Thành phần đoàn kiểm tra gồm có: Bùi Việt M1 làm Trưởng đoàn; các thành viên gồm: Trần Văn T, Lê Văn T14, Nguyễn Anh P1, Phạm Phú T8, Phạm Anh T11 và Nguyễn Văn H13 (sinh năm 1973, nơi cư trú thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận) là Công an viên thôn L, Công an xã T. Đầu giờ chiều ngày 15/6/2022 các thành viên đoàn kiểm tra gồm: Trần Văn T, Bùi Việt M1, Lê Văn T14, Nguyễn Anh P1, Phạm Phú T8, Nguyễn Văn H13 có mặt tại hộ kinh doanh Đ2 để tiến hành hoạt động kiểm tra, Phạm Anh T11 bận công tác nên không tham gia. Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra, đo khối lượng đất làm gạch tại bãi tập kết của hộ kinh doanh Đ2. Trần Văn T ghi số liệu rồi thông báo kết quả đo cho các thành viên đoàn kiểm tra nghe, biết khối lượng đất làm gạch đang có ở hộ kinh doanh Đ là hơn 5.000 m³. Lúc này chủ hộ kinh doanh Đức T23 là Võ Văn T15 không có mặt nên T điện thoại yêu cầu T15 về hộ kinh doanh Đ để làm việc với đoàn kiểm tra rồi T đi công việc

khác. Đến khoảng 17 giờ ngày 15/6/2022, T15 đi về gặp đoàn kiểm tra, lúc này có Bùi Viết M1, Phạm Phú T8, Nguyễn Anh P1 và Lê Văn T14. Tánh không xuất trình được các hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc đất làm gạch và thừa nhận đã mua trôi nổi ngoài thị trường, không có nguồn gốc hợp pháp. Tánh xin các thành viên đoàn kiểm tra hạ thấp khối lượng đất làm gạch so với khối lượng thực tế nhằm giảm mức tiền phạt và giảm khối lượng đất làm gạch bị tịch thu. Bùi Viết M1 nói không có quyền quyết định mà phải chờ Trần Văn T quay lại mới quyết định được. P1 và T8 đợi lâu chưa thấy T quay lại nên đi về trước và nói với M1 “khi nào quyết định được khối lượng đất làm gạch thì thông báo cho P1 và T8 biết để ký biên bản sau”. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, T quay lại hộ kinh doanh Đ2. Tánh xin Thăng ghi hạ thấp khối lượng đất làm gạch và hứa sẽ đưa tiền cho các thành viên đoàn kiểm tra thì T đồng ý. T và M1 tính toán lại khối lượng và quyết định hạ thấp khối lượng đất làm gạch không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp xuống còn 1.275 m³. M1 điện thoại cho Nguyễn Anh P1, Phạm Phú T8 thông báo khối lượng đất làm gạch không có nguồn gốc hợp pháp của hộ kinh doanh Đ2 ghi nhận trong biên bản là 1.275 m³ thì T8, P1 thống nhất và nói sẽ ký biên bản sau. T nói M1 lập biên bản ghi nhận khối lượng đất không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp là 1.275 m³ rồi T, M1 và T14 đi về. T nói với M1 là “đã nói chuyện với T15, ngày mai khi Tánh đến UBND xã T làm việc sẽ đưa tiền cho anh em”. Ngày 16/6/2022, T15 đến hội trường UBND xã T làm việc với đoàn kiểm tra. Tánh lấy 01 phong bì bên trong có số tiền 5.000.000 đồng đưa cho M1. M1 đếm tiền xong thì trả lại cho T15. Tánh đưa thêm 5.000.000 đồng nhưng M1 không lấy. T15 đưa thêm 5.000.000 đồng bỏ vào phong bì, tổng cộng là 15.000.000 đồng đưa cho M1 thì M1 đồng ý nhận số tiền 15.000.000 đồng. Lúc này T đi đến chỗ M1 và T15 đang ngồi để chiếc cặp của T trên bàn rồi đi ra ngoài. Tánh hỏi M1 đưa tiền cho Thăng bằng cách nào? thì M1 nói để tiền vào trong cặp của T. Tánh lấy 01 phong bì bên trong có số tiền 25.000.000 đồng bỏ vào trong cặp của T. Tánh đưa cho Lê Văn T14 01 phong bì bên trong có số tiền 3.000.000 đồng, đưa cho M1 02 phong bì tiền nhờ M1 đưa giùm cho Nguyễn Anh P1 và Phạm Phú T8 rồi T15 đi về. Khi Trần Văn T quay lại, M1 nói với T là T15 có đưa số tiền 25.000.000 đồng bỏ vào trong cặp của T thì T không nói gì. Sau đó M1 đem biên bản kiểm tra đến phòng làm việc của Phạm Anh T11 để T11 ký biên bản. T11 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H13 đến phòng làm việc của T11 để ký biên bản kiểm tra. M1 đem biên bản kiểm tra đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hàm Thuận N2 đưa cho Nguyễn Anh P1 ký và đưa 01 phong bì bên trong có số tiền 2.000.000 đồng nói là của T15 đưa cho P1. M1 điện thoại cho Phạm Phú T8 đến trụ sở Đội Quản lý thị trường số B ký biên bản kiểm tra và đưa 01 phong bì bên trong có số tiền 2.000.000 đồng, nói là của T15 đưa cho T8.

Căn cứ hồ sơ mà đoàn kiểm tra xác định khối lượng 1.275 m³ đất làm gạch không có hóa đơn chứng từ, Đội Quản lý thị trường số B đã tham mưu Chủ tịch UBND huyện H ra quyết định xử phạt hành chính đối với hộ kinh doanh Đ2 số tiền 45.000.000 đồng, tịch thu 1.275 m³ đất làm gạch trên.

Ngày 17/6/2022, Võ Văn T15 đã đến Công an huyện H tự thú trình bày việc đã đưa tiền cho các thành viên đoàn kiểm tra để được hạ thấp khối lượng đất làm gạch không có hóa đơn chứng từ. Ngày 29/6/2022, Công an huyện H phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, UBND xã T tiến hành đo khối lượng đất làm gạch tại hộ kinh doanh Đ2, xác định khối lượng đất làm gạch không có nguồn gốc hợp pháp là 5.305,5 m³. Như vậy, đoàn kiểm tra ghi hạ thấp khối lượng đất làm gạch không có nguồn gốc hợp pháp là 1.275 m³ không đúng thực tế là 5.305,5 m³, chênh lệch khối lượng 4.030,5m³; đã gây thiệt hại đối với số tang vật là khối lượng 4.030,5 m³ đất làm gạch không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp lẽ ra phải được tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tổng số tiền Võ Văn T15 đã đưa hối lộ cho các thành viên đoàn kiểm tra là 47.000.000 đồng.

* Kết luận định giá tài sản số 38/2022-HĐĐG ngày 28/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: Khối lượng 5.305,5 m³ đất làm gạch tại hộ kinh doanh Đ2 có tổng giá trị là 631.354.500 đồng; trong đó: khối lượng 1.275 m³ có giá trị 151.725.000 đồng; khối lượng 4.030,5 m³ có giá trị 479.629.500 đồng. (bút lục số 321).

Lần thứ ba, tại cơ sở sản xuất gạch Đ2: Ngày 21/6/2022, Trần Văn T đã ký ban hành Quyết định số 46020100/QĐ-KT về việc “kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ” tại cơ sở sản xuất gạch Đ2. Thành phần đoàn kiểm tra gồm có: Bùi Viết M1 làm Trưởng đoàn; các thành viên gồm: Trần Văn T, Lê Văn T14, Nguyễn Anh P1 và Phạm Anh T11. Sáng ngày 21/6/2022, đoàn kiểm tra gồm Trần Văn T, Bùi Viết M1, Lê Văn T14, Nguyễn Anh P1 có mặt tại cơ sở Đ2 để tiến hành hoạt động kiểm tra, Phạm Anh T11 bận công tác nên không tham gia. Đoàn kiểm tra không tiến hành đo đạc thực tế mà ước tính khối lượng. Thẳng thông báo kết quả cho các thành viên đoàn kiểm tra và chủ cơ sở Đ2 là Đoàn Vĩnh C4 nghe khối lượng đất làm gạch đang tàng trữ tại cơ sở Đ2 là hơn 740 m³, sau đó T đi công việc khác. Đoàn Vĩnh C4 không xuất trình được các hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc của khối lượng đất làm gạch trên và thừa nhận đã mua trôi nổi ngoài thị trường, không có nguồn gốc hợp pháp. Đoàn Vĩnh C4 xin các thành viên đoàn kiểm tra ghi hạ thấp khối lượng thực tế đất làm gạch không có hóa đơn, chứng từ nhằm giảm mức tiền phạt và giảm khối lượng đất bị tịch thu thì Bùi Viết M1 nói không có quyền quyết định mà chỉ có Trần Văn T mới quyết định được. C4 gọi điện thoại cho Trần Văn T để xin hạ thấp khối lượng thì T đồng ý. T gọi điện thoại chỉ đạo Bùi Viết M1 tính toán hạ thấp khối lượng đất làm gạch không có hóa đơn, chứng từ. M1 ước tính rồi thống nhất với T ghi hạ thấp khối lượng đất không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp là 630 m³. Bùi Viết M1 thông báo cho Lê Văn T14 và Nguyễn Anh P1 biết việc hạ thấp khối lượng đất không có hóa đơn, chứng từ ghi nhận trong biên bản kiểm tra là 630 m³ thì tất cả đồng ý và ký biên bản. Phạm A T11 không trực tiếp tham gia kiểm tra nhưng khoảng 11 giờ cùng ngày, M1 gọi điện thoại cho T11 đến cơ sở Đ2 để ký biên bản kiểm tra. Trần Văn T điện thoại cho Đ Vĩnh Cân yêu cầu đưa tiền cho thành viên đoàn kiểm tra và

hẹn chiều đến trụ sở Đội Quản lý thị trường số B để làm việc. Tại trụ sở Đội Quản lý thị trường số B, Đoàn Vĩnh C4 đã đưa cho Trần Văn T số tiền 30.000.000 đồng, T lấy 7.000.000 đồng đưa cho Bùi Viết M1, còn lại 23.000.000 đồng Thăng giữ lấy; Đoàn Vĩnh C4 đưa cho Nguyễn Anh P1 01 phong bì bên trong có số tiền 2.000.000 đồng.

Căn cứ hồ sơ mà đoàn kiểm tra xác định khối lượng 630 m³ đất làm gạch không có hóa đơn chứng từ, Đội Quản lý thị trường số B đã tham mưu Chủ tịch UBND huyện H ra quyết định xử phạt hành chính đối với cơ sở sản xuất gạch Đ2 II số tiền 35.000.000 đồng, tịch thu 630 m³ đất làm gạch trên.

Ngày 22/6/2022, Đoàn Vĩnh C4 đến Công an huyện H tự thú trình bày việc đã đưa tiền cho các thành viên đoàn kiểm tra để được hạ thấp khối lượng đất làm gạch không có hóa đơn chứng từ. Ngày 07/7/2022, Công an huyện H phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, UBND xã T tiến hành đo lại khối lượng đất làm gạch tại cơ sở R xác định khối lượng đất làm gạch không có nguồn gốc hợp pháp là 1.470 m³. Như vậy, đoàn kiểm tra ghi hạ thấp khối lượng đất làm gạch không có nguồn gốc hợp pháp là 630 m³ không đúng thực tế là 1.470 m³, chênh lệch khối lượng 840 m³, đã gây thiệt hại đối với số tang vật là khối lượng 840 m³ đất làm gạch không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp lẽ ra phải được tịch thu sung quỹ Nhà nước khi xử lý hành chính. Tổng số tiền Đoàn Vĩnh C4 đã đưa hối lộ cho các thành viên đoàn kiểm tra là 32.000.000 đồng.

* Kết luận định giá tài sản số 38/2022-HĐĐG ngày 28/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận: Khối lượng 1.470 m³ đất làm gạch tại cơ sở sản xuất gạch Đ2 có tổng giá trị là 174.930.000 đồng; trong đó: khối lượng 630 m³ có giá trị 74.970.00 đồng; khối lượng 840 m³ có giá trị 99.960.000 đồng. (bút lục số 321)

Quá trình điều tra, các bị can Trần Văn T, Bùi Viết M1, Ngô Minh P, Nguyễn Hoàng C1, Nguyễn Anh P1, Phạm Phú T8, Phạm Minh T4, Phạm Anh T11, Lê Văn T14, Trần Văn Q, Võ Văn T15, Đoàn Vĩnh C4 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

* Vật chứng vụ án:

- Cơ quan điều tra đã thu giữ của Trần Văn T 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia, 01 máy tính xách tay màu đen hiệu Dell, 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T và số tiền 11.977.000 đồng; thu giữ của Ngô Minh P 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo. Hiện đã trả lại cho Trần Văn T và Ngô Minh P vì không liên quan vụ án.

- Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 thẻ kiểm tra thị trường số T46-QLTT043 của Trần Văn T và 01 USB do Trần Văn T giao nộp, chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

- Đối với khối lượng 3.208,5m³ đất làm gạch (trong đó có 3.091,5 m³ và 117m³ đã sản xuất 87.750 viên gạch chưa nung) tại Công ty N3; khối lượng

4.030,5m³ đất làm gạch tại hộ kinh doanh Đ2; khối lượng 840 m³ đất làm gạch tại cơ sở sản xuất gạch Đ2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H ra Quyết định xử lý vật chứng số 18/QĐ-CQĐT ngày 09/3/2023 giao vật chứng trên cho UBND huyện H xử lý bán đấu giá để nộp tiền vào ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật. (bút lục số 338)

- Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu đen, kèm sim số 0918498805 của Trần Văn T.

Các bị can đã tự nguyện giao nộp số tiền 154.000.000 đồng đã nhận gồm: Trần Văn T nộp 68.000.000 đồng, Bùi Viết M1 nộp 42.000.000 đồng, Ngô Minh P nộp 5.000.000 đồng, Phạm Minh T4 nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Hoàng C1 nộp 10.000.000 đồng, Lê Văn T14 nộp 13.000.000 đồng, Nguyễn Anh P1 nộp 4.000.000 đồng, Phạm Phú T8 nộp 2.000.000 đồng, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận ra quyết định chuyển vật chứng, chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận bảo quản chờ xử lý.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSBT-P1, ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố các bị cáo: Trần Văn T, Bùi Viết M1 về tội “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại các điểm đ, g khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự;

Ngô Minh P, Nguyễn Hoàng C1 về tội “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Anh P1, Phạm Phú T8, Lê Văn T14 về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự; Phạm Minh T4, Phạm Anh T11 về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự; Trần Văn Q, Võ Văn T15, Đoàn Vĩnh C4 về tội “*Đưa hối lộ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn T, Bùi Viết M1, Ngô Minh P và Nguyễn Hoàng C1 phạm tội “*Nhận hối lộ*”; Các bị cáo Nguyễn Anh P1, Phạm Phú T8, Lê Văn T14, Phạm Minh T4 và Phạm Anh T11 phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”; Các bị cáo Trần Văn Q, Võ Văn T15 và Đoàn Vĩnh C4 phạm tội “*Đưa hối lộ*”.

Đề xuất mức án:

1. Áp dụng: Điểm đ, g khoản 2 Điều 354; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Trần Văn T từ 07 năm tù đến 08 năm tù.

2. Áp dụng: Điểm đ, g khoản 2 Điều 354; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Bùi Viết M1 từ 06 năm tù đến 07 năm tù.

3. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Ngô Minh P từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

4. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Nguyễn Hoàng C1 từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

5. Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Nguyễn Anh P1 từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù (bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giam).

6. Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Phạm Phú T8 01 năm 01 tháng 10 ngày tù (bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giam trước đó).

7. Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, u khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Lê Văn T14 từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

8. Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Phạm Minh T4 từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù (bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giam).

9. Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 356; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Phạm Anh T11 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

10. Áp dụng: Khoản 1 Điều 364; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Trần Văn Q từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

11. Áp dụng: Khoản 1 Điều 364; điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Võ Văn T15 từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

12. Áp dụng: Khoản 1 Điều 364; điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Đoàn Vĩnh C4 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

* Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Đối với khối lượng 3.208,5m³ đất làm gạch (trong đó có 3.091,5 m³ và 117m³ đã sản xuất 87.750 viên gạch chưa nung) tại Công ty N3; khối lượng 4.030,5m³ đất làm gạch tại hộ kinh doanh Đ2; khối lượng 840 m³ đất làm gạch tại

cơ sở sản xuất gạch Đ2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao vật chứng trên cho UBND huyện H xử lý bán đấu giá để nộp tiền vào ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật.

- Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 thẻ kiểm tra thị trường số T46-QLTT043 của Trần Văn T và 01 USB do Trần Văn T giao nộp, lưu trong hồ sơ vụ án.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo đã nhận từ các chủ cơ sở sản xuất gạch và tự nguyện giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án gồm: Trần Văn T 68.000.000 đồng, Bùi Viết M1 42.000.000 đồng, Ngô Minh P 5.000.000 đồng, Phạm Minh T4 10.000.000 đồng, Nguyễn Hoàng C1 10.000.000 đồng, Lê Văn T14 13.000.000 đồng, Nguyễn Anh P1 4.000.000 đồng, Phạm Phú T8 2.000.000 đồng. Tổng số tiền 154.000.000 đồng. Hiện đã nộp vào tài khoản cơ quan thi hành án, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu đen, kèm sim số 0918498805 của Trần Văn T Cơ quan điều tra đã thu giữ, đề nghị trả lại cho bị cáo T.

* Tại phiên tòa các luật sư trình bày lời bào chữa đối với các bị cáo như sau:

Đối với các Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Văn T: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội; không đồng ý điểm g khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự và đề nghị Viện kiểm sát nói rõ bị cáo phạm tội ở tình tiết định khung tăng nặng nào (đòi hỏi lộ, sách nhiễu hay dùng thủ đoạn xảo quyệt); áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đã tự nguyện, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra nộp file ghi âm trong đó có quá trình làm việc của đoàn kiểm tra đối với Công ty N3 nhằm làm rõ các tình tiết của vụ án và giải quyết nhanh vụ án; bị cáo có nhân thân tốt; đang nuôi mẹ già và là lao động chính trong gia đình nên yêu cầu hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 năm tù đến 08 năm tù là quá nặng nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với các Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Phú T8: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể; không phải là người thực hành, việc hạ thấp khối lượng chủ yếu thuộc về cơ quan chuyên môn quản lý thị trường, bị cáo tin tưởng nên đã đồng ý hạ thấp khối lượng; về tình tiết giảm nhẹ cần áp dụng thêm cho bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, khắc phục kịp thời, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra giải quyết vụ án nhanh chóng. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 59 Bộ luật hình sự miễn hình phạt cho bị cáo.

Đối với Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Anh P7: Thống nhất về tội danh và hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo.

Đối với các Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Anh T11: Cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo không cấu thành tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”, vì bị cáo không có chức vụ, quyền hạn; không nhận tiền, không có động cơ cá nhân nể nang, tin tưởng; không có lỗi cố ý trực tiếp trong việc hạ thấp khối lượng; ký biên bản kiểm tra chỉ với tư cách là người làm chứng đại diện cho chính quyền địa phương. Trong quá trình thực hiện công vụ tại Công ty N3, bị cáo thừa nhận có thiếu sót, nhưng xuất phát một phần từ nhận thức chưa đúng về vai trò, vị trí, trách nhiệm của từng thành viên đoàn kiểm tra; thiếu sót của bị cáo không phải là nguyên nhân trực tiếp gây thiệt hại cho nhà nước, nên chỉ có thể xử lý bị cáo về mặt hành chính trên cương vị là phó chủ tịch xã là phù hợp. Mặt khác, nếu có phạm tội thì cần xem xét bị cáo phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể; trong quá trình công tác bị cáo được tặng nhiều giấy khen có thành tích xuất sắc, nhân thân tốt nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và đề nghị hội đồng xét xử xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt miễn hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 03/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình và yêu cầu hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng đối với bị cáo T11 yêu cầu xem xét về tội danh đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra theo hồ sơ đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét thấy vụ án có tính chất phức tạp và cần thiết trực tiếp điều tra nên ngày 24/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Quyết định số 03/QĐ-VPCQCSĐT về việc rút vụ án để điều tra. Ngày 30/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam ra Quyết định số 01/QĐ-VKSHTN-HS chuyển vụ án hình sự đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để điều tra theo thẩm quyền là đúng quy định tại Điều 36, Điều 41, Điều 163, Điều 165 và Điều 169 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố theo hồ sơ đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong quá trình điều tra bị cáo Phạm Anh H14 có đơn khiếu nại Quyết định khởi tố bị can số 53/QĐ-CSĐT ngày 04/02/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra

Công an huyện H. Ngày 21/6/2023 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 01/QĐ-VKS-KN, bác đơn khiếu nại của bị cáo T11, giữ nguyên quyết định khởi tố bị can nêu trên.

Các bị cáo khác và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng nêu trên là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt một số người làm chứng. Tuy nhiên, xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, vì đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử như ý kiến đề nghị của các bị cáo, các Luật sư và của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố; lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, có đủ cơ sở kết luận:

[3.1] Thực hiện Văn bản số 1621/UBND-KT ngày 27/5/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Thuận về việc xử lý tình hình khai thác khoáng sản sét gạch ngói trái phép tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Ngày 31/5/2022 UBND huyện H tổ chức cuộc họp để triển khai thực hiện văn bản trên. Tại cuộc họp ông Nguyễn Văn P6 (Phó Chủ tịch UBND huyện H chủ trì cuộc họp) chỉ đạo Đội Quản lý thị trường số B trực thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh B chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra làm rõ nguồn đất làm gạch đang tập kết, đã tiêu thụ tại các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đang hoạt động sản xuất kinh doanh gạch trên địa bàn xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

[3.2] Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và xử lý tình hình khai thác khoáng sản đất sét gạch ngói trái phép tại xã T, huyện H, từ ngày 01/6/2022 đến ngày 06/6/2022, đoàn kiểm tra do Đội Quản lý thị trường số B chủ trì gồm các thành viên: Trần Văn T là Quyền đội trưởng Đội Quản lý thị trường số B, Bùi Viết M1, Ngô Minh P, Phạm Minh T4, Nguyễn Hoàng C1 đều là kiểm soát viên thị trường thuộc Đội Quản lý thị trường số B, thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh B, Nguyễn Anh P1 là chuyên viên Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện H, Phạm Phú T8 là đội phó Đội kiểm tra số 1 Chi cục Thuế khu vực H - H, Lê Văn T14 là cán bộ Công an huyện H và Phạm A T11 là Phó chủ tịch UBND xã T đã kiểm tra tại Công ty N3 (địa chỉ thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận). Các thành viên đoàn kiểm tra đã thống nhất hạ khối lượng đất làm gạch không có nguồn gốc hợp pháp từ khối lượng thực tế là 5.458,5 m³ xuống 2.250m³, đã gây thiệt hại cho Nhà nước khối lượng đất chênh lệch là 3.208,5m³, trị giá 381.811.500 đồng, lẽ ra phải bị tịch thu sung quỹ Nhà nước khi xử lý vi phạm.

Trần Văn Q là giám đốc Công ty N3 đã đưa hối lộ với tổng số tiền 75.000.000 đồng cho các thành viên đoàn kiểm tra để được hạ thấp khối lượng đất làm gạch không có nguồn gốc hợp pháp nhằm giảm mức tiền phạt và giảm khối lượng đất làm gạch bị tịch thu; cụ thể Q đã đưa cho Trần Văn T số tiền 20.000.000 đồng, Bùi Viết M1 số tiền 10.000.000 đồng, đưa số tiền 10.000.000 đồng cho M1 để nhờ đưa giùm cho Nguyễn Anh P1 nhưng M1 không đưa mà giữ lấy tiêu xài, Ngô Minh P số tiền 5.000.000 đồng, Phạm Minh T4 số tiền 10.000.000 đồng, Lê Văn T14 số tiền 10.000.000 đồng, Nguyễn Hoàng C1 số tiền 10.000.000 đồng.

[3.3] Ngày 15/6/2022, Đoàn kiểm tra do Đội Quản lý thị trường số B chủ trì gồm: Trần Văn T, Bùi Viết M1, Lê Văn T14, Nguyễn Anh P1, Phạm Phú T8 đã kiểm tra tại Hộ kinh doanh Đ2 (địa chỉ thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận). Các thành viên đoàn kiểm tra đã thống nhất hạ khối lượng đất làm gạch không có nguồn gốc hợp pháp từ khối lượng thực tế là 5.305,5m³ xuống 1.275m³, đã gây thiệt hại cho Nhà nước khối lượng đất chênh lệch là 4.030,5m³, trị giá 479.629.500 đồng, lẽ ra phải bị tịch thu sung quỹ Nhà nước khi xử lý vi phạm.

Võ Văn T15 là chủ hộ kinh doanh Đức T23 đã đưa hối lộ với tổng số tiền 47.000.000 đồng cho các thành viên đoàn kiểm tra để được hạ thấp khối lượng đất làm gạch không có nguồn gốc hợp pháp nhằm giảm mức tiền phạt và giảm khối lượng đất làm gạch bị tịch thu; cụ thể T15 đã đưa cho Trần Văn T số tiền 25.000.000 đồng, Bùi Viết M1 số tiền 15.000.000 đồng, Lê Văn T14 số tiền 3.000.000 đồng, Nguyễn Anh P1 số tiền 2.000.000 đồng, Phạm Phú T8 số tiền 2.000.000 đồng.

[3.4] Ngày 21/6/2022, Đoàn kiểm tra do Đội Quản lý thị trường số B chủ trì gồm: Trần Văn T, Bùi Viết M1, Lê Văn T14, Nguyễn Anh P1 đã kiểm tra tại Cơ sở sản xuất gạch Đ2 (địa chỉ thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận). Các thành viên đoàn kiểm tra đã thống nhất hạ khối lượng đất làm gạch không có nguồn gốc hợp pháp từ khối lượng thực tế là 1.470 m³ xuống 630m³, đã gây thiệt hại cho Nhà nước khối lượng đất chênh lệch là 840 m³, trị giá 99.960.000 đồng, lẽ ra phải bị tịch thu sung quỹ Nhà nước khi xử lý vi phạm.

Đoàn Vĩnh C4 là chủ Cơ sở sản xuất gạch Đ2 đã đưa hối lộ với tổng số tiền 32.000.000 đồng cho các thành viên đoàn kiểm tra để được hạ thấp khối lượng đất làm gạch không có nguồn gốc hợp pháp nhằm giảm mức tiền phạt và giảm khối lượng đất làm gạch bị tịch thu; cụ thể C4 đã đưa cho Trần Văn T số tiền 30.000.000 đồng, T đưa lại cho Bùi Viết M1 7.000.000 đồng, C4 đưa cho Nguyễn Anh P1 số tiền 2.000.000 đồng.

[4] Võ Văn T15 đã đến Công an huyện H vào ngày 17/6/2022 và Đoàn Vĩnh C4 đến Công an huyện H vào ngày 22/6/2022 để tự thú và trình bày việc đã đưa tiền cho các thành viên đoàn kiểm tra để được hạ thấp khối lượng đất làm gạch không có hóa đơn chứng từ.

[5] Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền đã nhận là 154.000.000 đồng bao gồm: Trần Văn T nộp 68.000.000 đồng, Bùi Viết M1 nộp 42.000.000 đồng, Ngô Minh P nộp 5.000.000 đồng, Phạm Minh T4 nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Hoàng C1 nộp 10.000.000 đồng, Lê Văn T14 nộp 13.000.000 đồng, Nguyễn Anh P1 nộp 4.000.000 đồng và Phạm Phú T8 nộp 2.000.000 đồng.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án xét thấy:

[6.1] Đối với bị cáo Trần Văn T: Bị cáo là quyền đội trưởng đội Quản lý thị trường số B thuộc Cục quản lý thị trường tỉnh B khi được UBND huyện H chỉ đạo và giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan ban ngành của huyện và UBND xã T thành lập đoàn liên ngành tiến hành kiểm tra hoạt động tàng trữ đất làm gạch của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn xã T. Lẽ ra sau khi ký ban hành các quyết định kiểm tra bị cáo phải tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ chức trách nhiệm vụ của mình và các thành viên trong đoàn kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vì lợi ích vật chất, bị cáo đã lợi dụng bản thân là quyền đội trưởng đã không làm đúng nhiệm vụ của mình, đã quyết định cùng với các thành viên trong đoàn kiểm tra có ý hạ thấp khối lượng đất làm gạch so với thực tế của Công ty TNHH N3, của H15 kinh doanh Đ, của Cơ sở sản xuất gạch Đ2 để vòi vĩnh, đòi hỏi lộ và nhiều lần nhận hối lộ với tổng số tiền là 68.000.000 đồng, gây thiệt hại tài sản của nhà nước với tổng số tiền 961.401.000 đồng. Bản thân bị cáo là người đứng đầu Đội Quản lý thị trường số B, là người ký ban hành quyết định kiểm tra nhưng trong quyết định kiểm tra với tư cách là thành viên nhưng bị cáo đã quyết định cuộc kiểm tra, quyết định hạ thấp khối lượng đất làm gạch so với thực tế và chỉ đạo cấp dưới lập hồ sơ không đúng với thực tế, đồng thời bị cáo cũng là người đã yêu cầu số tiền hối lộ để Trần Văn Q, Võ Văn T15 và Đoàn Vĩnh C4 đưa cho bị cáo và các bị cáo khác.

Xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức đầy đủ về pháp luật đối với những hành vi của mình nhưng vì lợi ích vật chất đã cố ý thực hiện hành vi nhận tiền của Công ty, hộ kinh doanh và cơ sở được kiểm tra để làm trái quy định, gây bức xúc trong dư luận xã hội, gây thiệt hại lớn đến tài sản của nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo Trần Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Nhận hối lộ” với tình tiết đòi hỏi lộ và nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi trên được quy định tại điểm đ và điểm g khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự.

[6.2] Đối với bị cáo Bùi Viết M1: Bị cáo là kiểm soát viên thị trường có đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, được bị cáo Trần Văn T phân công nhiệm vụ là thành viên đoàn kiểm tra tại Công ty TNHH N3, là trưởng đoàn kiểm tra tại hộ kinh doanh Đ và Cơ sở sản xuất gạch Rạng Đông II nhưng bị cáo đã thông đồng, cố ý thực hiện theo sự chỉ đạo của Trần Văn T khi thống nhất hạ thấp khối lượng và hướng dẫn Trần Văn Q cách trình bày để được hạ thấp khối

lượng đất làm gạch so với thực tế và nhận hối lộ số tiền 10.000.000 đồng. Với tư cách là trưởng đoàn kiểm tra khi kiểm tra tại hộ kinh doanh Đức Thành và Cơ sở sản xuất gạch Đ2 đã cố ý thực hiện theo chỉ đạo của Trần Văn T và yêu cầu của chủ cơ sở để hạ thấp khối lượng đất làm gạch so với thực tế và đã có hành vi vôi vĩnh, đòi Võ Văn T15 và Đoàn Vĩnh C4 phải đưa số tiền theo ý của mình và nhận nhiều lần với tổng số tiền hối lộ là 42.000.000 đồng, gây thiệt hại tài sản của nhà nước với tổng số tiền 961.401.000 đồng.

Nhận thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức đầy đủ về pháp luật đối với các hành vi của mình nhưng vì lợi ích vật chất đã vôi vĩnh, cố ý thực hiện hành vi nhận tiền của Công ty, hộ kinh doanh và Cơ sở được kiểm tra để làm trái quy định, gây bức xúc trong dư luận xã hội, gây thiệt hại lớn đến tài sản của nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo Bùi Viết M1 đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Nhận hối lộ” với tình tiết đòi hối lộ và nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi trên được quy định tại điểm đ và điểm g khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự.

[6.3] Đối với bị cáo Ngô Minh P: Bị cáo là kiểm soát viên thị trường có đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định nhưng khi bị cáo Trần Văn T phân công nhiệm vụ là trưởng đoàn kiểm tra liên ngành khi kiểm tra tại Công ty N3 nhưng bị cáo đã đồng ý thực hiện theo sự chỉ đạo của Trần Văn T thống nhất hạ thấp khối lượng đất làm gạch so với thực tế kiểm tra. Mặc dù, bị cáo không được Trần Văn Q trực tiếp hứa hẹn sẽ đưa tiền và cũng không biết việc Trần Văn Q đã hứa hẹn với Bùi Viết M1 về việc đưa tiền cho các thành viên đoàn kiểm tra để được hạ thấp khối lượng nhưng với tư cách là trưởng đoàn kiểm tra đã nhận hối lộ số tiền 5.000.000 đồng để thiết lập hồ sơ đề nghị UBND huyện ra quyết định xử phạt theo hướng có lợi cho Trần Văn Q. Hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại tài sản của Nhà nước với số tiền 381.811.500 đồng. Đồng thời bị cáo có hành vi gợi ý Q đưa cho C1 số tiền 10.000.000 đồng. Do vậy, ngoài việc bị cáo trực tiếp nhận tiền hối lộ thì bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội nhận hối lộ của Nguyễn Hoàng C1.

Nhận thấy, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ về pháp luật đối với những hành vi của mình nhưng vì lợi ích vật chất đã cố ý thực hiện hành vi nhận tiền của công ty được kiểm tra để làm trái quy định và có hành vi gợi ý để chủ công ty đưa hối lộ cho một thành viên khác trong đoàn kiểm tra, gây bức xúc trong dư luận xã hội, gây thiệt hại đến tài sản của nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó hành vi của Ngô Minh P đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Nhận hối lộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự.

[6.4] Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng C1: Bị cáo là kiểm soát viên trung cấp thị trường, là thành viên đoàn kiểm tra. Bị cáo không tham gia đoàn kiểm tra vào ngày 06/6/2022 để hạ thấp khối lượng đất làm gạch cho Công ty TNHH N3 nhưng

bị cáo biết việc đoàn kiểm tra đã hạ thấp khối lượng đất làm gạch so với thực tế và các thành viên trong đoàn kiểm tra đã nhận tiền của Trần Văn Q thì bị cáo đã yêu cầu Trần Văn T xin tiền cho bị cáo vì bị cáo cũng là thành viên của đoàn kiểm tra. Đồng thời, bị cáo dặn bị cáo Ngô Minh P phải làm hồ sơ cho chặt chẽ vì khối lượng chênh lệch so với thực tế lớn và đã thống nhất với Ngô Minh P là khi gặp Trần Văn Q để tổng đạt Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì P sẽ nói với Q là C1 cũng là thành viên đoàn kiểm tra để gợi ý Q đưa tiền cho C1. Và C1 đã nhận của Trần Văn Q số tiền 10.000.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Hoàng C1 mặc dù không trực tiếp yêu cầu Trần Văn Q đưa tiền hối lộ nhưng đã gián tiếp thông qua bị cáo Ngô Minh P để thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm.

Xét thấy, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ về pháp luật đối với những hành vi của mình nhưng vì lợi ích vật chất đã cố ý thực hiện hành vi nhận tiền của công ty được kiểm tra, gây bức xúc trong dư luận xã hội, gây thiệt hại đến tài sản của nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó hành vi của Nguyễn Hoàng C1 đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Nhận hối lộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự.

[6.5] Đối với bị cáo Phạm Minh T4: Bị cáo là kiểm soát viên trung cấp thị trường, là thành viên của đoàn kiểm tra tại Công ty TNHH N3, bị cáo đã thực hiện trái công vụ của mình bằng hành vi đồng ý, thống nhất hạ thấp khối lượng đất làm gạch so với thực tế, gây thiệt hại tài sản của Nhà nước với số tiền 381.811.500 đồng. Mặc dù, bị cáo không được Trần Văn Q trực tiếp hứa hẹn sẽ đưa tiền và cũng không biết việc Trần Văn Q đã hứa hẹn với Bùi Viết M1 sẽ đưa tiền cho các thành viên đoàn kiểm tra để được hạ thấp khối lượng đất làm gạch nhưng ngay sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã nhận số tiền 10.000.000 đồng từ Trần Văn Q.

Xét thấy, bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức đầy đủ về pháp luật đối với những hành vi của mình nhưng vì động cơ nể nang, tin tưởng bị cáo không thể hiện rõ quan điểm của mình là thành viên của đoàn kiểm tra phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật để phản đối mà đã đồng ý với việc làm trái quy định của trưởng đoàn và các thành viên khác trong đoàn kiểm tra, gây bức xúc trong dư luận xã hội, gây thiệt hại đến tài sản của nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó hành vi của Phạm Minh T4 đủ yếu tố cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự.

[6.6] Đối với bị cáo Nguyễn Anh P1: Bị cáo là chuyên viên Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện H, là thành viên của đoàn kiểm tra liên ngành huyện H do Đội Quản lý thị trường số B chủ trì. Mặc dù, bị cáo biết rõ việc Trần Văn T đã chỉ đạo hạ thấp khối lượng đất làm gạch so với thực tế khi tham gia kiểm tra tại Công ty TNHH N3, tại hộ kinh doanh Đ2 và tại Cơ sở sản xuất gạch Đ2 là trái với công vụ nhưng bị cáo đã đồng ý, thống nhất với việc hạ thấp khối lượng gây thiệt hại tài sản của

nhà nước với tổng số tiền 961.401.000 đồng. Sau đó, bị cáo đã nhận tổng số tiền 4.000.000 đồng của Võ Văn T15 (thông qua M1) và Đoàn Vĩnh C4.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức đầy đủ về pháp luật đối với những hành vi của mình nhưng vì động cơ nể nang, tin tưởng mà bị cáo không thể hiện rõ quan điểm của mình là thành viên của đoàn kiểm tra phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật để phản đối mà đã đồng ý với việc làm trái quy định của trưởng đoàn và các thành viên trong đoàn kiểm tra, gây bức xúc trong dư luận xã hội, gây thiệt hại lớn đến tài sản của nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự.

[6.7] Đối với bị cáo Phạm Phú T8: Bị cáo là cán bộ Chi cục thuế khu vực H - H, là thành viên của đoàn kiểm tra liên ngành huyện H do Đội Quản lý thị trường số B chủ trì nhưng bị cáo đã làm trái với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình khi đồng ý, thông nhất hạ thấp khối lượng đất làm gạch so với thực tế khi tham gia kiểm tra tại Công ty TNHH N3, tại hộ kinh doanh Đ2 nên đã gây thiệt hại tài sản nhà nước với tổng số tiền 861.411.000 đồng và đã nhận số tiền 2.000.000 đồng của Võ Văn T15 (thông qua Bùi Viết M1).

Xét thấy, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức đầy đủ về pháp luật đối với những hành vi của mình nhưng vì động cơ nể nang, tin tưởng nên đã không thực hiện đầy đủ chức trách được giao của một thành viên đoàn kiểm tra, không thể hiện rõ quan điểm của mình khi biết trưởng đoàn và các thành viên trong đoàn có ý hạ thấp khối lượng đất làm gạch của các cơ sở được kiểm tra là không đúng so với thực tế nhưng không phản đối mà đồng ý, nhằm tạo điều kiện cho trưởng đoàn và các thành viên đoàn kiểm tra làm trái quy định, gây bức xúc trong dư luận xã hội, gây thiệt hại lớn đến tài sản của Nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự.

[6.8] Đối với bị cáo Phạm Anh T11: Bị cáo là Phó Chủ tịch UBND xã T, theo sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện H về việc chỉ đạo UBND xã T phối hợp với Đội Quản lý thị trường số B chủ trì cùng với các cơ quan, ban ngành khác kiểm tra hoạt động sử dụng đất làm gạch của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh gạch trên địa bàn xã T và theo Quyết định kiểm tra của Đội quản lý thị trường số B ký ban hành thì bị cáo là thành viên đoàn kiểm tra khi kiểm tra tại Công ty TNHH N3 do Trần Văn Q làm Giám đốc.

Bị cáo biết Trần Văn Q xin hạ thấp khối lượng đất làm gạch so với thực tế. Khi Trần Văn T thông báo khối lượng đất sét không có hóa đơn, chứng từ để chứng minh nguồn gốc giảm xuống còn 2.250m³, thấy các thành viên trong đoàn kiểm tra

không có ý kiến khác, nhưng bị cáo đã không phản đối, đồng ý hạ thấp khối lượng đất làm gạch so với thực tế và đã ký biên bản xác định lại khối lượng đất làm gạch của Công ty TNHH Ngọc Mai Bình

Thuận, gây thiệt hại tài sản của nhà nước với số tiền 381.811.500 đồng. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như trên, tuy nhiên bị cáo cho rằng chỉ tham gia với tư cách đại diện chính quyền địa phương, là người chứng kiến, xác nhận đoàn có đến kiểm tra, việc đồng ý hạ thấp khối lượng là có thiếu sót, nhưng không cố ý, bị cáo không nhận tiền của doanh nghiệp. Việc quyết định hạ thấp khối lượng so với thực tế là do đội quản lý thị trường quyết định.

Xét thấy, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức đầy đủ về pháp luật đối với những hành vi của mình. Lẽ ra, trên cương vị là Phó Chủ tịch UBND xã T được giao nhiệm vụ cùng với các ngành kiểm tra để nhằm kiểm soát tình hình, lập lại trật tự về khai thác tài nguyên trên địa bàn xã T nhưng khi biết công ty xin hạ thấp khối lượng, đoàn kiểm tra đã lập biên bản ghi nhận khối lượng kiểm tra thấp hơn nhiều so với thực tế nhưng bị cáo đã không phản đối vì động cơ nể nang, tin tưởng và muốn xử lý nhanh theo sự chỉ đạo của UBND huyện H, đã đồng ý việc hạ thấp khối lượng tạo điều kiện cho trưởng đoàn và các thành viên đoàn kiểm tra làm trái quy định, gây bức xúc trong dư luận xã hội, gây thiệt hại đến tài sản của nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị cáo đã thừa nhận với động cơ phạm tội như trên mặc dù bị cáo không nhận tiền của doanh nghiệp nhưng đủ căn cứ để xác định hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự.

[6.9] Đối với bị cáo Lê Văn T14: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là cán bộ Công an huyện H, là thành viên đoàn kiểm tra liên ngành do Đội Quản lý thị trường số B chủ trì, lẽ ra bị cáo phải thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, nhưng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra bị cáo đã không thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ của mình, đã thống nhất hạ thấp khối lượng đất làm gạch so với thực tế khi kiểm tra tại Công ty TNHH N3, kiểm tra tại hộ kinh doanh Đ2, kiểm tra tại Cơ sở sản xuất gạch Đ2 đã gây thiệt hại lớn đến tài sản của nhà nước với tổng số tiền 961.401.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo đã nhận số tiền 13.000.000 đồng từ Trần Văn Q và Võ Văn T15. Tuy nhiên, bị cáo không được và cũng không biết trước việc Trần Văn Q và Võ Văn T15 đã hứa hẹn sẽ đưa tiền cho các thành viên của đoàn kiểm tra để được hạ thấp khối lượng đất làm gạch.

Xét thấy, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ pháp luật về những hành vi của mình nhưng vì động cơ nể nang, tin tưởng bị cáo đã không phản đối mà đồng ý hạ thấp khối lượng nhằm tạo điều kiện cho trưởng đoàn và các thành viên đoàn kiểm tra làm trái quy định và nhận tiền của các cơ sở được kiểm tra, gây bức xúc trong dư luận xã hội, gây thiệt hại lớn đến tài sản của

nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự.

[6.10] Đối với bị cáo Trần Văn Q: Bị cáo là Giám đốc Công ty TNHH N3, khi được kiểm tra vì lợi ích của doanh nghiệp, vì muốn được giảm tiền phạt và giảm khối lượng đất làm gạch bị tịch thu khi tàng trữ không có nguồn gốc hợp pháp, bị cáo đã đặt vấn đề xin đoàn kiểm tra hạ thấp khối lượng so với thực tế và đã đưa hối lộ cho Trần Văn T số tiền 20.000.000 đồng, đưa hối lộ cho Bùi Viết M1 số tiền 20.000.000 đồng, đưa hối lộ cho Ngô Minh P số tiền 5.000.000 đồng, đưa hối lộ cho Nguyễn Hoàng C1 số tiền 10.000.000 đồng, đồng thời đã đưa số tiền 10.000.000 đồng cho Phạm Minh T4 và 10.000.000 đồng cho Lê Văn T14.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo không tự thú khi vụ việc xảy ra, mà thông qua đấu tranh bị cáo mới thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ pháp luật về những hành vi của mình nhưng vì lợi ích của cá nhân và doanh nghiệp đã thực hiện hành vi đưa tiền cho các thành viên trong đoàn kiểm tra để được hạ thấp khối lượng đất làm gạch so với thực tế, gây thiệt hại lớn đến tài sản của nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức và tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đưa hối lộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật hình sự.

[6.11] Đối với bị cáo Võ Văn T15: Bị cáo là chủ hộ kinh doanh Đ, khi được kiểm tra vì lợi ích của doanh nghiệp, vì muốn được giảm tiền phạt và giảm khối lượng đất làm gạch bị tịch thu khi tàng trữ không có nguồn gốc hợp pháp, bị cáo đã đặt vấn đề xin đoàn kiểm tra hạ thấp khối lượng so với thực tế và đã đưa hối lộ số tiền 25.000.000 đồng cho Trần Văn T, đưa hối lộ số tiền 15.000.000 đồng cho Bùi Viết M1, đồng thời bị cáo đưa số tiền 3.000.000 đồng cho Lê Văn T14, đưa số tiền 2.000.000 đồng cho Phạm Phú T8 và 2.000.000 đồng cho Nguyễn Anh P1 (thông qua Bùi Viết M1). Nhận thấy, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ pháp luật về những hành vi của mình nhưng vì lợi ích của cá nhân và doanh nghiệp đã thực hiện hành vi đưa tiền cho các thành viên trong đoàn kiểm tra để được hạ thấp khối lượng đất làm gạch so với thực tế, gây thiệt hại lớn đến tài sản của nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức và tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Đưa hối lộ” quy định tại khoản 1 Điều 364 Bộ luật hình sự.

[6.12] Đối với bị cáo Đoàn Vĩnh C4: Bị cáo là chủ Cơ sở sản xuất gạch Đ2, khi được kiểm tra vì lợi ích của doanh nghiệp, vì muốn được giảm tiền phạt và giảm khối lượng đất làm gạch bị tịch thu khi tàng trữ không có nguồn gốc hợp pháp, bị cáo đã đặt vấn đề xin đoàn kiểm tra hạ thấp khối lượng so với thực tế và đã có hành

vi đưa hối lộ số tiền 30.000.000 đồng cho Trần Văn T và Bùi Viết M1, đồng thời bị cáo đưa số tiền 2.000.000 đồng cho Nguyễn Anh P1. Xét thấy, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ pháp luật về những hành vi của mình nhưng vì lợi ích của cá nhân và doanh nghiệp đã thực hiện hành vi đưa tiền cho các thành viên trong đoàn kiểm tra để được hạ thấp khối lượng đất làm gạch so với thực tế, gây thiệt hại lớn đến tài sản của nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức và tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Đưa hối lộ” quy định tại khoản 1 Điều 364 Bộ luật hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận đã truy tố các bị cáo Trần Văn T, Bùi Viết M1, Ngô Minh P, Nguyễn Hoàng C1, Nguyễn Anh P1, Phạm Phú T8, Lê Văn T14, Phạm Minh T4, Phạm Anh T11, Trần Văn Q, Võ Văn T15 và Đoàn Vĩnh C4 về các tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Đối với bị cáo Trần Văn T: Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra cung cấp thông tin, F ghi âm ghi nhận nội dung có liên quan đến việc kiểm tra tại Công ty TNHH N3; tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện nộp lại số tiền nhận hối lộ 68.000.000 đồng; quá trình công tác được tặng nhiều giấy khen; danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cơ sở; chứng nhận chủ tịch công đoàn, đoàn viên công đoàn xuất sắc; được tặng nhiều Bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác; được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Bùi Viết M1: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện nộp lại số tiền nhận hối lộ 42.000.000 đồng; quá trình công tác được Cục trưởng Cục quản lý thị trường tỉnh B tặng nhiều giấy khen hoàn thành tốt nhiệm vụ; có cha ruột là người có công với cách mạng (được Nhà nước khen thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì, Huy chương kháng chiến hạng Nhì) nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Ngô Minh P trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện nộp lại số tiền 5.000.000 đồng; trong quá trình công tác được tặng nhiều giấy khen nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng C1 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện nộp lại số tiền 10.000.000 đồng; trong quá trình công tác được tặng nhiều giấy khen hoàn thành tốt nhiệm vụ, chứng nhận lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua; gia đình có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Anh P1 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện nộp lại số tiền 4.000.000 đồng; quá trình công tác được tặng nhiều giấy khen, lao động tiên tiến nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Phạm Phú T8 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện nộp lại số tiền 2.000.000 đồng; quá trình công tác được Bộ trưởng Bộ T24 tặng bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác thuế nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Phạm Minh T4 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện nộp lại số tiền 10.000.000 đồng; quá trình công tác được tặng nhiều giấy khen; nhiều Bằng khen; có ba ruột là người có công với cách mạng (được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất) nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Lê Văn T14 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện nộp lại số tiền 13.000.000 đồng; trong quá trình điều tra đã tích cực hợp tác, phối hợp, cung cấp thông tin cần thiết cho Cơ quan cảnh sát điều tra trong quá trình xử lý tin báo cũng như trong quá trình giải quyết vụ án (có xác nhận của Đội CSHS-KT-MT Công an huyện H); cung cấp tin báo cho Công an huyện H đấu tranh, triệt phá một tổ chức tín dụng đen trên địa bàn xã H (có xác nhận của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H); cung cấp tin báo giúp cho Đội Biên phòng T25 triệt phá một số vụ việc vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy (có xác nhận của Đ3); có ông nội được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, u khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Phạm Anh T11 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; quá trình công tác được tặng nhiều giấy khen, kỉ niệm chương nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Trần Văn Q trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; được tặng nhiều giấy khen trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng nông thôn mới; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Võ Văn T15 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến cơ quan công an tự thú; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình sinh sống, làm việc tại địa phương đã được tặng nhiều giấy khen nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Đoàn Vĩnh C4 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến cơ quan công an tự thú; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có ông nội là người có công với cách mạng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Từ những nhận định trên, hội đồng xét xử sẽ cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đối với từng bị cáo, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy, bị cáo Trần Văn T và bị cáo Bùi Viết M1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn thuộc các tội phạm về chức vụ nên phải xử lý nghiêm khắc và cần tiếp tục cách ly các bị cáo Trần Văn T và Bùi Viết M1 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, qua đó răn đe, giáo dục người khác đang có ý định thực hiện hành vi phạm tội tương tự như các bị cáo. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Viết M1 là không được chấp nhận.

Đối với các bị cáo Ngô Minh P, Nguyễn Hoàng C1, Lê Văn T14, Phạm Anh T11, Trần Văn Q, Võ Văn T15, Đoàn Vĩnh C4. Xét thấy, các bị cáo đều có nhân

thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; riêng đối với bị cáo Phạm Anh T11 chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên bị cáo là người duy nhất không nhận tiền của doanh nghiệp và vai trò thứ yếu nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho các bị cáo và xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự để các bị cáo tự rèn luyện, cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ để các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Hơn nữa, việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đối với các bị cáo Nguyễn Anh P1 và Phạm Minh T4 bị tạm giam từ ngày 04/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/7/2024 được 01 năm 06 tháng 26 ngày tù. Đối với bị cáo Phạm Phú T8 bị tạm giam từ ngày 04/01/2023 đến ngày 07/02/2024 được 01 năm 01 tháng 10 ngày tù. Xét thấy, không cần thiết phải tiếp tục cách ly các bị cáo Nguyễn Anh P1, Phạm Minh T4 và Phạm Phú T8 ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần xử phạt các bị cáo thời hạn phạt tù bằng thời gian các bị cáo đã bị tạm giam trong quá trình giải quyết vụ án cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[10] Đối với Hồ Ngọc T18 là cán bộ địa chính xã T, mặc dù Hồ Ngọc T18 có tham gia đo xác định khối lượng đất làm gạch tại Công ty N3 vào ngày 01/6/2022, tuy nhiên vào ngày 06/6/2022 Hồ Ngọc T18 được phân công công tác khác nên không có mặt tại thời điểm hạ thấp khối lượng, không ký vào biên bản làm việc kiểm tra lại, không nhận tiền của chủ doanh nghiệp nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với hành vi của Hồ Ngọc T18.

[11] Đối với Nguyễn Văn H13 là Công an viên thôn L, Công an xã T. Nguyễn Văn H13 là công an viên bán chuyên trách, trình độ học vấn thấp, không qua đào tạo về kiến thức pháp luật và được Trưởng Công an xã T điều động tham gia đoàn kiểm tra tại hộ kinh doanh Đ. Nguyễn Văn H13 có mặt tại thời điểm kiểm tra và ký biên bản kiểm tra nhưng không biết kết quả đo khối lượng thực tế đất làm gạch tại bãi tập kết, không biết rõ nội dung biên bản ghi hạ thấp khối lượng. Khi Phạm A T11 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H13 đến phòng làm việc để ký biên bản kiểm tra thì H13 ký biên bản, H13 không nhận tiền của chủ doanh nghiệp. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với hành vi của Nguyễn Văn H13.

[12] Đối với Phạm Anh T11 tham gia đoàn kiểm tra do Đội quản lý thị trường số B thành lập với vai trò là tham gia phối hợp, bị cáo không tham gia kiểm tra tại hộ kinh doanh Đức Thành và Cơ sở sản xuất gạch Đ2 nên không biết đoàn kiểm tra hạ thấp khối lượng so với thực tế, không nhận tiền của hộ kinh doanh Đ2 và Cơ sở

sản xuất gạch Đ2. Việc bị cáo ký biên bản kiểm tra đối với hộ kinh doanh Đức T23 và Cơ sở sản xuất gạch Đ2 là để hợp thức hóa thủ tục xử lý vi phạm hành chính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Phạm Anh T11 trong hai trường hợp này.

[13] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự tuyên:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo đã nhận từ các chủ cơ sở sản xuất gạch và tự nguyện giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án gồm: Trần Văn T 68.000.000 đồng, Bùi Viết M1 42.000.000 đồng, Ngô Minh P 5.000.000 đồng, Phạm Minh T4 10.000.000 đồng, Nguyễn Hoàng C1 10.000.000 đồng, Lê Văn T14 13.000.000 đồng, Nguyễn Anh P1 4.000.000 đồng và Phạm Phú T8 2.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 154.000.000 đồng.

Ngày 06/3/2024 bị cáo Phạm Phú T8 đã nộp số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận (Theo Biên lai thu tiền số 0000102 ngày 06/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận).

Ngày 13/5/2024 Công an huyện H đã nộp số tiền 152.000.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu đồng) vào tài khoản số 3949.0.1052718 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận (Theo Giấy nộp tiền của Công an huyện H, tỉnh Bình Thuận vào tài khoản số 3949.0.1052718 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận ngày 13/5/2024). Do đó, cần tiếp tục tạm giữ đối với số tiền 154.000.000 đồng nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu đen, kèm sim số 0918498805 (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận).

Đối với khối lượng 3.208,5m³ đất làm gạch (trong đó có 3.091,5 m³ và 117m³ đã sản xuất 87.750 viên gạch chưa nung) tại Công ty N3; khối lượng 4.030,5m³ đất làm gạch tại hộ kinh doanh Đ2; khối lượng 840 m³ đất làm gạch tại cơ sở sản xuất gạch Đ2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 18/QĐ-CQĐT ngày 09/3/2023 giao vật chứng trên cho UBND huyện H xử lý bán đấu giá để nộp tiền vào ngân sách Nhà nước là đúng pháp luật.

[14] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp, đúng pháp luật nên được chấp nhận. Riêng đối với bị cáo Bùi Viết M1 đề nghị được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Đối với đề nghị của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa sẽ được Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá và quyết định trong quá trình nghị án.

[16] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[17] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Điểm đ, g khoản 2 Điều 354; điểm b, s, v, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Nhận hối lộ”

Xử phạt: Trần Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 16/9/2022.

[2] Căn cứ: Điểm đ, g khoản 2 Điều 354; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Viết M1 phạm tội “Nhận hối lộ”

Xử phạt: Bùi Viết Mạnh 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 16/9/2022.

[3] Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Minh P phạm tội “Nhận hối lộ”

Xử phạt: Ngô Minh P 01(một) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ngô Minh P cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[4] Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng C1 phạm tội “Nhận hối lộ”

Xử phạt: Nguyễn Hoàng C1 01(một) năm 04 (bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 08 (tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng C1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện H, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[5] Căn cứ: Điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 50; Điều 54 Bộ luật hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh P1 phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

Xử phạt: Nguyễn Anh P1 01(một) năm 06 (sáu) tháng 26 (hai sáu) ngày tù. Thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam (từ ngày 04/01/2023 đến ngày 22/7/2024).

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[6] Căn cứ: Điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 50; Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Phú T8 phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”

Xử phạt: Phạm Phú T8 01(một) năm 01(một) tháng 10 (mười) ngày tù. Thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam (từ ngày 04/01/2023 đến ngày 07/02/2024).

[7] Căn cứ: Điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, u khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T14 phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”

Xử phạt: Lê Văn T14 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn T14 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[8] Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 50; Điều 54 Bộ luật hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tổ tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Minh T4 phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”

Xử phạt: Phạm Minh T4 01(một) năm 06 (sáu) tháng 26 (hai sáu) ngày tù. Thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam (từ ngày 04/01/2023 đến ngày 22/7/2024).

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[9] Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 356; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Anh T11 phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”

Xử phạt: Phạm Anh T11 01(một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm A T11 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[10] Căn cứ: Khoản 1 Điều 364; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Đưa hối lộ”.

Xử phạt: Trần Văn Q 01(một) năm 03(ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[11] Căn cứ: Khoản 1 Điều 364; điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn T15 phạm tội “Đưa hối lộ”.

Xử phạt: Võ Văn T15 01(một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Võ Văn T15 cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[12] Căn cứ: Khoản 1 Điều 364; điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Vĩnh C4 phạm tội “Đưa hối lộ”.

Xử phạt: Đoàn Vĩnh C4 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đoàn Vĩnh C4 cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người bị phạt tù được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[13] Xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 154.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tư triệu đồng).

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu đen, kèm sim số 0918498805.

(Theo Giấy nộp tiền của Công an huyện H, tỉnh Bình Thuận vào tài khoản số 3949.0.1052718 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận ngày 13/5/2024, số tiền 152.000.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu đồng).

(Theo Biên lai thu tiền số 0000102 ngày 06/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận, số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu) của Phạm Phú T8).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

[14] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Trần Văn T, Bùi Viết M1, Ngô Minh P, Nguyễn Hoàng C1, Nguyễn Anh P1, Phạm Phú T8, Lê Văn T14, Phạm Minh T4, Phạm Anh T11, Trần Văn Q, Võ Văn T15 và Đoàn Vĩnh C4 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[15] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/7/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích về án treo).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- PV06, PC04, Trại 1-Công an tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Phong Lan